

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-ST
Ngày 15 - 5 - 2019
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi
con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Như Học;

Bà Nguyễn Hồng Nhiếp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 315/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Ngọc C, sinh năm 1996 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hoàng E, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 5, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 12 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương Thị Ngọc C trình bày yêu cầu:

- Về hôn nhân: Năm 2016 bà C và ông Hoàng E có thời gian tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau, hiện nay giấy chứng nhận kết hôn bản chính đã bị thất lạc.

Khi thành hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2018 vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông E không quan tâm vợ con, thường xuyên đi nhậu. Vợ, chồng bà C và ông E sống ly thân từ tháng 10 năm 2018 (âm lịch) đến nay.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân tiếp tục duy trì cũng không hạnh phúc nên bà C yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hoàng E.

- Về nuôi con chung: Có 01 người con tên Nguyễn Mỹ C, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2017 (nữ). Hiện Mỹ C đang sống chung với bà C, khi ly hôn bà C yêu cầu nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Hoàng E: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà ông Hoàng E không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc bà C yêu cầu ly hôn, nuôi con chung, về tài sản chung và công nợ; Đồng thời, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ 02 lần Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Hoàng E vẫn vắng mặt 02 lần không có lý do.

Tại phiên tòa:

Bà C vẫn bảo lưu quan điểm nêu trên, yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hoàng E, yêu cầu nuôi con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, công nợ tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Hoàng E vắng mặt nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bà Trương Thị Ngọc C yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hoàng E, yêu cầu được nuôi con chung, ngoài ra không có yêu cầu gì khác, tranh chấp giữa bà C và ông Hoàng E là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ông Nguyễn Hoàng E đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng đều vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Hoàng E.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Bà Trương Thị Ngọc C và ông Nguyễn Hoàng E có thời gian tìm hiểu và chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức đám cưới gả theo phong tục tập quán địa phương từ năm 2016, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau vào ngày 06 tháng 9 năm 2016, số vào sổ 76/2016 thể hiện tại Giấy Trích lục kết hôn (bản sao) do bà C cung cấp cho Tòa án, do đó quan hệ hôn nhân của bà C và ông Hoàng E được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Quá trình chung sống giữa bà C và ông Hoàng E thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân bắt do đồng quan điểm, ông Hoàng E thường đi nhậu, không quan tâm và chăm lo cho vợ con nên hôn nhân giữa hai đương sự không đạt được hạnh phúc, thực tế hai đương sự đã sống ly thân từ tháng 10/2018 (âm lịch) đến nay. Trong thời gian ly thân vợ, chồng cũng không khắc phục được mâu thuẫn, nay bà C yêu cầu ly hôn với ông Hoàng E. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay, ông Hoàng E không có thiện chí hàn gắn hôn nhân với bà C, bởi lẽ Tòa án có tổ chức các phiên hòa giải nhưng ông Hoàng E không tham gia, chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông Hoàng E đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho đôi bên nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị Ngọc C đối với ông Nguyễn Hoàng E theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về nuôi con chung: Bà C xác định có 01 người con tên Nguyễn Mỹ C, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2017 (nữ); Hiện Mỹ C đang sống chung với bà C, khi ly hôn bà C yêu cầu nuôi con. Xét thấy cháu Mỹ C hiện nay dưới 36 tháng tuổi (19 tháng 04 ngày tuổi) nên cần có sự trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ để đảm bảo cho cháu phát triển toàn diện về thể chất lẫn tinh thần. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà C là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Nguyễn Mỹ C, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2017 (nữ) cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

- Việc cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và công nợ: Đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự "*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*", do đương sự không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và công nợ.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch bà Trương Thị Ngọc C phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà C được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 147, 220, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, khoản 3 Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về hôn nhân: Cho bà Trương Thị Ngọc C ly hôn với ông Nguyễn Hoàng E.

[2]. Về nuôi con chung: Có một người con tên Nguyễn Mỹ C, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2017 (nữ). Khi ly hôn, giao cháu Mỹ Chi cho bà Trương Thị Ngọc C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

[3]. Việc cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[4]. Về án phí: Bà Trương Thị Ngọc C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, bà C được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0016266 ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, bà C không phải nộp thêm tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Cơ quan tiến hành việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền